

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN
Số: 35 /CV Cty

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, Ngày 10 tháng 08 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Tên Công ty: Công ty cổ phần Hóa An

Trụ sở chính: KP. Cầu Hang, P. Hóa An, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 0251.3954458, 0251.3954491

Fax: 0251.3954754

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Văn Lương

Chức vụ: TV – HĐQT, Phó Tổng giám đốc

Địa chỉ: P58, KP7, Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0251.3954491

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Hóa An công bố Báo cáo tài chính 06 tháng năm 2022 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.

Thông tin này đã được đăng tải lên trang tin điện tử của công ty tại địa chỉ: <http://hoancom.vn> mục *quan hệ cổ đông/báo cáo tài chính/năm 2022*.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Lương

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

CO * M.S.D.A

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 30

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa An (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Cao Trường Thu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Đinh Lê Chiến	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Mai Hoàng Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Nguyễn Tấn Lộc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Trịnh Tiến Bảy	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Lương	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Thành	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Bà Võ Thị Cẩm Hường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Phạm Việt Thắng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Đặng Xuân Long	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Trần Quốc Trung	Thành viên	
Ông Đặng Xuân Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Đỗ Việt Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trịnh Tiến Bảy	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lương	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hang, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Tiến Bày
Tổng giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2022

Số: 16/2022/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa An, được lập ngày 09 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa An chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



**Lục Thị Vân
Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2022

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		335.983.945.165	393.899.760.544
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	69.560.361.382	133.571.576.028
1. Tiền	111		69.560.361.382	55.071.576.028
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	78.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	183.923.572.807	183.246.550.653
1. Chứng khoán kinh doanh	121		86.349.512.429	23.454.262.429
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(24.125.939.622)	(3.207.711.776)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		121.700.000.000	163.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.248.285.223	71.821.094.230
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	40.685.289.799	34.769.589.487
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	6.176.257.056	6.344.579.589
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	27.159.956.623	27.159.956.623
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	5.127.238.368	4.447.425.154
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.7	(900.456.623)	(900.456.623)
IV. Hàng tồn kho	140		139.950.000	139.950.000
1. Hàng tồn kho	141		708.026.166	708.026.166
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(568.076.166)	(568.076.166)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.111.775.753	5.120.589.633
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	814.339.718	880.551.291
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.004.462.119	1.946.276.118
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	1.292.973.916	2.293.762.224
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		128.502.301.362	137.321.671.700
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.840.381.317	7.517.497.139
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.6	7.840.381.317	7.517.497.139
II. Tài sản cố định	220		54.697.061.673	58.565.515.879
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	15.055.960.884	16.438.620.904
Nguyên giá	222		81.695.449.573	84.372.713.787
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.639.488.689)	(67.934.092.883)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	39.641.100.789	42.126.894.975
Nguyên giá	228		97.797.141.259	97.797.141.259
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(58.156.040.470)	(55.670.246.284)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.140.058.801	21.140.058.801
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	21.140.058.801	21.140.058.801
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.459.840.000	8.459.840.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		510.000.000	510.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.969.840.000)	(8.969.840.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		44.824.799.571	50.098.599.881
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	44.824.799.571	50.098.599.881
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		464.486.246.527	531.221.432.244



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		53.159.561.943	62.638.416.897
I. Nợ ngắn hạn	310		47.438.244.680	57.112.905.017
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	10.854.540.572	10.049.811.411
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.184.360.918	2.912.146.633
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	18.654.543.503	23.068.500.138
4. Phải trả người lao động	314	4.14	3.553.594.156	12.686.208.305
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		565.536.014	493.601.693
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		151.064.680	40.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.16.5	9.474.604.837	7.862.636.837
II. Nợ dài hạn	330		5.721.317.263	5.525.511.880
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.15	5.721.317.263	5.525.511.880
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		411.326.684.584	468.583.015.347
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16.1	411.326.684.584	468.583.015.347
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.199.460.000	151.199.460.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.199.460.000	151.199.460.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58.398.416.000	58.398.416.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(11.645.123.500)	(11.645.123.500)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		98.745.293.116	98.745.293.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		114.628.638.968	171.884.969.731
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		93.335.881.069	81.630.492.147
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.292.757.899	90.254.477.584
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		464.486.246.527	531.221.432.244



Trịnh Tiến Bầy
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2022

Đỗ Văn Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Nhung
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.17	179.009.503.232	166.553.210.096
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		179.009.503.232	166.553.210.096
3. Giá vốn hàng bán	11	4.18	130.761.443.866	113.592.299.824
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.248.059.366	52.960.910.272
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.19	6.493.577.389	5.202.683.989
6. Chi phí tài chính	22	4.20	21.047.384.376	1.275.588.131
7. Chi phí bán hàng	25		13.000.000	102.284.808
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.21	7.632.583.862	7.554.881.423
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.048.668.517	49.230.839.899
10. Thu nhập khác	31		616.142.045	6.412.500
11. Lợi nhuận khác	40		616.142.045	6.412.500
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.664.810.562	49.237.252.399
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.23	5.372.052.663	9.775.952.720
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.292.757.899	39.461.299.679
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.3	1.314	2.435
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.4	1.314	2.435



Trịnh Tiên Bày
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2022

Đỗ Văn Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Nhung
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.664.810.562	49.237.252.399
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.22	4.045.726.933	4.980.295.255
Các khoản dự phòng	03		20.918.227.846	1.463.218.768
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.229.326.934)	(4.625.773.989)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		45.399.438.407	51.054.992.433
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.807.472.864)	(433.575.146)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.357.189.246)	(7.412.293.435)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		5.340.011.883	4.311.627.001
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(62.895.250.000)	1.042.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(12.399.321.433)	(11.659.580.059)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.998.212.000)	(1.969.985.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(35.717.995.253)	34.933.185.654
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(177.272.727)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		605.454.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(90.700.000.000)	(29.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		132.000.000.000	40.100.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.623.872.389	4.625.773.989
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		47.352.054.207	15.725.773.989

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(75.645.273.600)	(44.183.949.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(75.645.273.600)	(44.183.949.300)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(64.011.214.646)	6.475.010.343
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		133.571.576.028	36.720.730.061
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	69.560.361.382	43.195.740.404



Trịnh Tiên Bày
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2022

Đỗ Văn Ngọc
Kê toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Nhung
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hóa An (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Khai thác đá và Vật liệu Xây dựng Hóa An trực thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1. Ngày 18 tháng 04 năm 2000, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 47/2000/QĐ-TTg ngày 18 tháng 04 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600464464 (số cũ là 4703000008) ngày 08 tháng 06 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 06 tháng 09 năm 2019.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 151.199.460.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ quốc tịch	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP	Việt Nam	37.583.430.000	24,86	37.583.430.000	24,86
Các cổ đông khác	Việt Nam	113.616.030.000	75,14	113.616.030.000	75,14
Cộng		151.199.460.000	100	151.199.460.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 20C KP Cầu Hang, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 115 (01/01/2022: 119).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác đá và chế biến khoáng sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (hoạt động kinh doanh chính);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty có các công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định - FICO	Lô E, Đường số 2B, Khu Công Nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	28,13%	28,13%	28,13%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2022 gồm:

Tên	Địa chỉ
Mỏ đá Thạnh Phú 2	xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Mỏ đá Tân Cang 3	phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Mỏ đá Núi Gió	xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	3.333.351.203	5.362.646.204
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	66.227.010.179	49.708.929.824
Các khoản tương đương tiền	-	78.500.000.000
Cộng	69.560.361.382	133.571.576.028

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 4,7%/năm đến 6,2%/năm.

Tại ngày 30/06/2022

VND

Tại ngày 01/01/2022

VND

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định – FICO ^(a)	8.459.840.000	(*)	(8.459.840.000)	8.459.840.000	(*)	(8.459.840.000)
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Tổng Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xuất nhập khẩu Foodinco ^(b)	510.000.000	(*)	(510.000.000)	510.000.000	(*)	(510.000.000)

a) Khoản đầu tư này tương đương với 28,13% quyền sở hữu Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định – FICO, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là hoạt động xây dựng công trình kỹ thuật chuyên dụng khác.

b) Khoản đầu tư này tương đương với 0,23% quyền sở hữu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là hoạt động bán buôn gạo, kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê và hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật liên quan.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH Đá Thạnh Phú	17.681.890.363	-
Công ty TNHH Khai thác Tài nguyên Lợi Lộc (Vĩnh Cửu)	-	12.175.596.826
Công ty Cổ phần Thiên Phát	7.445.000.541	7.705.510.772
Công ty TNHH Khai thác đá Lê Thu	3.858.383.749	3.918.383.749
Công ty Cổ phần Khai thác đá Hà Nam	2.600.000.000	2.650.000.000
Các khách hàng khác (*)	9.100.015.146	8.320.098.140
Cộng	40.685.289.799	34.769.589.487

(*) Tại ngày 30/6/2022, mỗi khoản phải thu khách hàng khác ngắn hạn có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu của khách hàng ngắn hạn.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH Khai thác đá Lê Thu	5.050.792.539	4.650.792.539
Các nhà cung cấp khác	1.125.464.517	1.693.787.050
Cộng	6.176.257.056	6.344.579.589

4.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH Phú Mỹ An - Hà Nội (*)	26.598.900.000	26.598.900.000
Các đối tượng khác	561.056.623	561.056.623
Cộng	27.159.956.623	27.159.956.623

(*) Đây là khoản phải thu về vốn góp đầu tư xây dựng toà nhà thương mại, văn phòng và căn hộ với Công ty TNHH Phú Mỹ An – Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 86/2017/HĐHTKD ngày 31/05/2017 với tổng giá trị ban đầu là 30.000.000.000 VND. Theo Hợp đồng, sau 06 tháng Công ty có quyền rút vốn và được hưởng lợi tức cố định 11%/năm. Hiện tại, Công ty đã thu hồi một phần khoản phải thu về vốn góp này.

Ngày 10 tháng 05 năm 2022, Công ty TNHH Phú Mỹ An – Hà Nội đã có công văn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội về việc đề xuất tiến độ, bổ sung báo cáo tài chính và giải trình hoàn thành nghĩa vụ tài chính dự án: Công trình văn phòng, thương mại dịch vụ, nhà ở (Tòa nhà V.I.C Tower). Theo đó, dự kiến thời gian nghiệm thu, đi vào vận hành và sử dụng là Quý I/2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.6. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	965.787.650	-	1.147.292.511	-
Tiền lãi cho vay	987.180.000	(339.400.000)	1.237.480.667	(339.400.000)
Phải thu khác	3.174.270.718	-	2.062.651.976	-
Cộng	<u>5.127.238.368</u>	<u>(339.400.000)</u>	<u>4.447.425.154</u>	<u>(339.400.000)</u>
Dài hạn:				
Ký quỹ phục hồi môi trường	7.840.381.317	-	7.517.497.139	-

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Điểm du lịch và nhà ở Hóa An	4.087.439.696	4.087.439.696
Đầu tư mỏ đá Núi gió	248.058.177	248.058.177
Chi phí mua đất mỏ Mỏ Tân Cang 3	8.080.644.400	8.080.644.400
Chi phí mua đất khu phụ trợ Mỏ đá Thạnh Phú 2	1.840.685.107	1.840.685.107
Chi phí xây dựng Mỏ đá Tân Cang	6.883.231.421	6.883.231.421
Cộng	21.140.058.801	21.140.058.801

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2022	29.332.621.306	46.460.990.787	8.289.638.014	289.463.680	84.372.713.787
Mua trong năm	-	177.272.727	-	-	177.272.727
Thanh lý	-	(2.067.418.798)	(787.118.143)	-	(2.854.536.941)
Tại ngày 30/06/2022	29.332.621.306	44.570.844.716	7.502.519.871	289.463.680	81.695.449.573
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2022	25.720.026.492	36.170.550.128	5.819.332.583	224.183.680	67.934.092.883
Khấu hao trong năm	282.413.980	959.537.629	309.821.138	8.160.000	1.559.932.747
Thanh lý	-	(2.067.418.798)	(787.118.143)	-	(2.854.536.941)
Tại ngày 30/06/2022	26.002.440.472	35.062.668.959	5.342.035.578	232.343.680	66.639.488.689
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2022	3.612.594.814	10.290.440.659	2.470.305.431	65.280.000	16.438.620.904
Tại ngày 30/06/2022	3.330.180.834	9.508.175.757	2.160.484.293	57.120.000	15.055.960.884

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 33.042.761.055 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2022	97.797.141.259
Tại ngày 30/06/2022	97.797.141.259
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2022	55.670.246.284
Khấu hao trong năm	2.485.794.186
Tại ngày 30/06/2022	58.156.040.470
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2022	42.126.894.975
Tại ngày 30/06/2022	39.641.100.789

4.11. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	255.184.091
Công cụ dụng cụ xuất dùng	312.683.602	625.367.200
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	501.656.116	-
Cộng	814.339.718	880.551.291
Dài hạn:		
Chi phí bóc đất phủ các mỏ đá	24.342.064.699	27.820.018.329
Chi phí thuê đất	10.017.711.726	10.490.492.320
Chi phí làm đường và thăm dò trữ lượng	5.567.170.184	6.368.501.749
Chi phí đền bù, di dời nhà văn phòng, nhà kho (CTCP ĐTPT Cường Thuận IDICO) tại mỏ Tân Càng 3	882.228.101	961.233.599
Các khoản khác	4.015.624.861	4.458.353.884
Cộng	44.824.799.571	50.098.599.881

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Khai thác Tài nguyên Lợi Lộc	218.659.127	218.659.127	5.903.464.058	5.903.464.058
Công ty TNHH MTV Đá Thạnh Phú	8.878.907.421	8.878.907.421	2.261.722.027	2.261.722.027
Phải trả cho các đối tượng khác	1.756.974.024	1.756.974.024	1.884.625.326	1.884.625.326
Cộng	10.854.540.572	10.854.540.572	10.049.811.411	10.049.811.411

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2022		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2022	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.789.393.745	9.856.268.132	9.989.623.463	-	1.922.749.076
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	587.023.532	5.372.052.663	12.399.321.433	-	7.614.292.302
Thuế thu nhập cá nhân	-	39.616.407	2.245.193.387	3.069.128.834	-	863.551.854
Thuế tài nguyên	-	1.800.679.857	9.717.837.668	11.431.689.181	-	3.514.531.370
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	591.403.618	13.562.046	200.276.669	186.714.623	591.403.618	-
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	701.570.298	13.384.311.064	11.394.640.416	4.261.978.233	1.702.358.606	7.252.437.189
Phí bảo vệ môi trường	-	1.039.956.852	5.538.355.284	6.399.336.779	-	1.900.938.347
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Cộng	1.292.973.916	18.654.543.503	44.330.624.219	47.743.792.546	2.293.762.224	23.068.500.138

4.14. Phải trả người lao động

Là lương tháng 06 còn phải trả cho người lao động tại ngày 30/06/2022.

4.15. Dự phòng phải trả dài hạn

Đây là khoản dự phòng chi phí phục hồi môi trường được trích dựa trên phương án phục hồi môi trường đã được Nhà nước phê duyệt với thời gian chi trả là vào thời điểm thực tế thực hiện phương án.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	151.199.460.000	58.398.416.000	(11.645.123.500)	98.745.293.116	131.993.166.532	428.691.212.148
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	39.461.299.679	39.461.299.679
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(1.965.485.000)	(1.965.485.000)
Thù lao Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.930.970.385)	(3.930.970.385)
Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	-	(44.178.219.000)	(44.178.219.000)
Tại ngày 30/06/2021	151.199.460.000	58.398.416.000	(11.645.123.500)	98.745.293.116	121.091.791.826	417.789.837.442
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	50.793.177.905	50.793.177.905
Tại ngày 01/01/2022	151.199.460.000	58.398.416.000	(11.645.123.500)	98.745.293.116	171.884.969.731	468.583.015.347
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	21.292.757.899	21.292.757.899
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(1.020.543.662)	(1.020.543.662)
Thù lao Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.610.180.000)	(3.610.180.000)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	-	(73.630.365.000)	(73.630.365.000)
Tại ngày 30/06/2022	151.199.460.000	58.398.416.000	(11.645.123.500)	98.745.293.116	114.628.638.968	411.326.684.584

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.16.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	15.119.946	15.119.946
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	15.119.946	15.119.946
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	393.873	393.873
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.726.073	14.726.073

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.16.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.292.757.899	39.461.299.679
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.948.001.950)	(3.610.180.000)
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	19.344.755.949	35.851.119.679
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	14.726.073	14.726.073
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.314	2.435

Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty đang tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2022. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu" có thể giảm, dẫn đến lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm tương ứng.

4.16.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.292.757.899	39.461.299.679
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.948.001.950)	(3.610.180.000)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.344.755.949	35.851.119.679
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	14.726.073	14.726.073
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.314	2.435

Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty đang tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2022. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu" có thể giảm, dẫn đến lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm tương ứng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.16.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2022	7.862.636.837	98.745.293.116
Trích trong kỳ	3.610.180.000	-
Chi trong kỳ	(1.998.212.000)	-
Tại ngày 30/06/2022	9.474.604.837	98.745.293.116

4.17. Doanh thu bán hàng

Là doanh thu bán đá vật liệu xây dựng trong kỳ.

4.18. Giá vốn hàng bán

Là tổng chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến doanh thu bán đá vật liệu xây dựng trong kỳ.

4.19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.177.014.689	4.268.285.189
Cổ tức, lợi nhuận được chia	446.857.700	357.488.800
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	869.705.000	576.910.000
Cộng	6.493.577.389	5.202.683.989

4.20. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	20.918.227.846	4.487.752.500
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(3.237.903.000)
Chi phí tài chính khác	129.156.530	25.738.631
Cộng	21.047.384.376	1.275.588.131

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.719.782.593	4.514.873.407
Chi phí vật liệu quản lý	259.258.022	234.075.321
Chi phí khấu hao TSCĐ	330.265.226	275.927.424
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.781.925	79.729.518
Chi phí khác bằng tiền	2.259.496.096	2.447.275.753
Cộng	7.632.583.862	7.554.881.423

4.22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.361.557.501	10.931.865.506
Chi phí nhân công	13.451.941.319	13.378.488.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.045.726.933	4.980.295.255
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.316.591.707	65.235.044.757
Chi phí khác bằng tiền	33.231.210.268	26.723.771.701
Cộng	138.407.027.728	121.249.466.055

4.23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	26.664.810.562	49.237.252.399
Cộng: các khoản điều chỉnh tăng	642.310.455	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	26.860.263.317	49.237.252.399
Thu nhập được miễn thuế (Cổ tức và lợi nhuận được chia)	(446.857.700)	(357.488.800)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	26.860.263.317	48.879.763.599
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	5.372.052.663	9.775.952.720

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.24. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Chi nhánh Vĩnh Cửu;
- Chi nhánh Biên Hòa;
- Chi nhánh Bình Phước.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022:

	<u>Vĩnh Cửu</u>		<u>Biên Hòa</u>		<u>Bình Phước</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu	88.552.836	78.644.042	60.876.213	59.281.026	29.580.454	28.628.142	179.009.503	166.553.210
Kết quả hoạt động kinh doanh	21.844.496	24.076.120	17.454.667	18.315.659	8.948.896	10.569.131	48.248.059	52.960.910
Lợi nhuận gộp							6.493.577	5.202.684
Doanh thu tài chính							(21.047.384)	(1.275.588)
Chi phí tài chính							(13.000)	(102.285)
Chi phí bán hàng							(7.632.583)	(7.554.881)
Chi phí quản lý doanh nghiệp							616.142	6.413
Thu nhập khác							-	-
Chi phí khác							26.664.811	49.237.253
Lợi nhuận trước thuế							(5.372.053)	(9.775.953)
Thuế thu nhập doanh nghiệp								
Lợi nhuận sau thuế							21.292.758	39.461.300

17
 NG
 TNH
 OÁN
 4 VI
 7 P

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**Các thông tin khác**

	<u>Vĩnh Cửu</u>		<u>Biên Hòa</u>		<u>Bình Phước</u>		<u>Tổng công</u>		ĐVT: Ngân đồng
	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022	
Tài sản của bộ phận	45.934.985	40.915.876	35.110.309	37.576.320	10.644.498	12.021.080	91.689.792	90.513.276	
Tài sản không phân bổ							372.796.455	440.708.156	
Tổng tài sản							464.486.247	531.221.432	
Nợ phải trả của bộ phận	11.599.890	7.878.028	9.934.529	7.788.302	677.845	1.836.472	22.212.264	17.502.802	
Nợ phải trả không phân bổ							30.947.298	45.135.615	
Tổng nợ phải trả							53.159.562	62.638.417	

	<u>Vĩnh Cửu</u>		<u>Biên Hòa</u>		<u>Bình Phước</u>		<u>Tổng công</u>	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí mua sắm tài sản cố định của bộ phận trong kỳ	177.273	-	-	-	-	-	177.273	-
Chi phí khấu hao trong kỳ của bộ phận	1.552.079	2.582.587	1.723.515	1.301.897	770.133	1.095.811	4.045.727	4.980.295

100.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.25. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|---|---------------------------------|
| 1. Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP | Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chia cổ tức:		
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP	18.791.715.000	11.275.029.000
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	3.064.278.000	1.288.878.000
	21.855.993.000	12.563.907.000
Cộng	21.855.993.000	12.563.907.000

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Đinh Lê Chiến	Chủ tịch	416.588.000	453.577.000
Ông Trịnh Tiến Bảy	Tổng Giám đốc/ Thành viên	1.156.966.330	973.586.000
Ông Nguyễn Văn Lương	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên	852.292.500	842.715.000
Bà Võ Thị Cẩm Hường	Thành viên	347.133.000	377.977.000
Ông Nguyễn Xuân Thành	Thành viên	347.133.000	377.977.000
		3.120.082.830	3.025.832.000
Cộng		3.120.082.830	3.025.832.000

4.26. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	72.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.27. Cam kết mua tài sản

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.470.470.000	-

4.28. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)	Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.435	2.433

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước được báo cáo lại do số tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu khác so với số được duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 06/NQĐHCĐ-CtyDHA ngày 09 tháng 04 năm 2022.

4.29. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Trịnh Tiến Bày
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2022

Đỗ Văn Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Nhung
Người lập